

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 947/2024/DS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ân

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 742/2024/TLST- DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 549/2024/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 478/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: Số 266 - 268 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số 278 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 (văn bản ủy quyền số (văn bản ủy quyền số 1551/2024/UQ-TGD ngày 14/3/2024). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2/ Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Số 41 đường S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 12/02/2015 giữa Ngân hàng TMCP S (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) và ông Phạm Ngọc T có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Theo đó Ngân hàng đồng ý cấp cho ông T thẻ tín dụng số 472074 - 7437, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng, sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 11/10/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/9/2024 ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 18.259.432 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 5.441.344 đồng, nợ lãi quá hạn 12.818.088 đồng.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn là ông Phạm Ngọc T thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 26/9/2024 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Phạm Ngọc T cư trú tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định tính đến ngày 25/9/2024 bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 5.441.344 đồng, mặc dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi trong hạn nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên ngày 11/10/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bị đơn sang nợ quá hạn, tính lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2024 là có cơ sở; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2024 là 12.818.088 đồng theo tóm tắt sao kê của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về phía bị đơn mặc dù đã được Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án.

Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký giữa các bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng nêu trên có hiệu lực. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, lãi tính đến ngày 25/9/2024 là 18.259.432 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 912.972 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là ông Phạm Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 18.259.432 đồng ngay khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật; trong đó bao gồm nợ gốc 5.441.344 đồng, nợ lãi quá hạn 12.818.088 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc T phải chịu án phí là 912.972 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 421.470 đồng cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu số 0013667 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 12/02/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên